

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22-11-2018

“V/v ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thu Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Khoàng Văn Hặc**

2. Ông: **Nguyễn Khắc Thiện**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Kim Phượng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà:* Bà **Nguyễn Thị Thu** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 về việc: “*Yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Lý Thị C** - SN:1968.

Địa chỉ: Bản H, xã S, huyện M C, tỉnh Đ B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Bùi Đ M** – Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Điện Biên, cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên.

Người phiên dịch cho bà Lý Thị C: Bà **Vàng Thị D**; Địa chỉ: Tổ dân phố 14, thị trấn MC, tỉnh Đ B.

- Bị đơn: Ông **Hồ Vàng C** – Sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Bản H, xã S, huyện M C, tỉnh Đ B.

(*Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn và ông Bùi Đình Minh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Lý Thị C trình bày:

- *Về hôn nhân*: Bà C và ông C sinh ra và lớn lên tại Bản H, xã S, huyện M C, tỉnh Đ B. Sau quá trình tìm hiểu nhau, năm 1984 bà C, ông C được hai bên gia đình đồng ý cho làm lễ cưới theo phong tục tập quán của người Mông tại địa phương. Thời điểm về ở cùng nhau, vợ chồng không đi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, khiến tình cảm rạn nứt, nguyên nhân do ông C có mối quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác và nhiều lần bị bà C phát hiện. Bà C đã khuyên bảo ông C, nhưng ông C vẫn không hề thay đổi mà còn thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà C, khiến bà C phải đi nhập viện. Bà C và ông C đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong quá trình giải quyết ly hôn cũng như tại phiên tòa, bà C vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với ông C.

- *Về con chung*: Bà C và ông C có 05 con chung. Các con đều trên 18 tuổi và đã ra ở riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Nay bà C chỉ có nguyện vọng được quản lý, sử dụng những tài sản gồm:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda đăng ký tên Lý Thị C trị giá 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

- 01 chiếc chảo gang dùng để nấu rượu.

- 02 con bò: 01 con bò cái và 01 con bê.

Những tài sản còn lại như bà C đã yêu cầu chia trong đơn khởi kiện và đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng không có nợ chung.

Ngày 16/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập các đương sự đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông C có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc nên không tham gia phiên tòa xét xử ly hôn được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án yêu cầu ly hôn do nguyên đơn là bà Lý Thị C khởi kiện theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn là Ông Hồ Vàng C không trái với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án ly hôn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Sau quá trình tìm hiểu nhau, năm 1984 bà Lý Thị C và Ông Hồ Vàng C về chung sống với nhau và được hai bên gia đình thừa nhận, cho tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng không đi đăng ký kết hôn. Họ thực sự có chung sống với nhau,

đôi bên cư xử như vợ chồng, cùng nhau gánh vác việc gia đình và có với nhau 05 người con. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C có nhiều mối quan hệ bên ngoài, nên thường xuyên đi chơi không quan tâm đến gia đình. Bà C cho rằng đã có lần bà bắt gặp ông C ngoại tình với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Từ đó, đôi bên thường xảy ra việc cãi vã, xô xát khiến bà C phải đi nhập viện. Cũng từ năm 2016, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà C đã bỏ sang nhà con trai ở. Hai ông bà sống ly thân từ đó cho đến nay.

Tại bản tự khai ngày 05/11/2018, ông C cũng công nhận về phần hôn nhân như bà C đã trình bày ở trên là đúng sự thật. Quá trình sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng thời gian dài, đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bà C bỏ đi ở với con từ năm 2016. Nay, bà C có yêu cầu ly hôn, mặc dù ông C vẫn có nguyện vọng quay về đoàn tụ nhưng bà C vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với ông C, nên ông C cũng nhất trí.

Xét thấy, hôn nhân của bà C và ông C là quan hệ được xác lập giữa hai người, họ chính thức về ở với nhau từ ngày được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau khi ông bà về chung sống với nhau cho đến thời điểm có đủ các điều kiện để đi đăng ký kết hôn, nhưng do tập quán lạc hậu nên ông bà C, Chu không đi đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, cuộc hôn nhân này vẫn được Nhà nước thừa nhận là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của pháp luật về Hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc hôn nhân giữa bà C và ông C đã thật sự tan vỡ, việc bà C yêu cầu xin ly hôn với ông C là có cơ sở, phù hợp với điểm c, mục 3 của Nghị quyết số 35/NQ-QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000: “ Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; Trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 ”.

Tuy nhiên, theo Điều 131 Luật hôn nhân gia đình quy định về điều khoản chuyển tiếp thì Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị C đối với Ông Hồ Vàng C.

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

* *Về quan hệ con chung:* Bà C và ông C có 05 con chung. Các con đều đã đủ tuổi trưởng thành và đã ra ở riêng. Ông bà C, Chu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về quan hệ tài sản:*

- Quá trình giải quyết vụ án, bà C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung, để vợ chồng tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, gồm: Động sản, bất động sản, 01 bộ bàn ghế trị giá 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng, 01 chiếc giường trị giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Xét việc xin rút một phần yêu cầu này của bà C là không trái với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu giải quyết về tài sản trong vụ án.

- Bà C, ông C cùng thống nhất giao cho bà C được quyền quản lý, sử dụng những tài sản gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda đăng ký tên Lý Thị C trị giá 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); 01 chiếc chảo gang dùng để nấu rượu; 02 con bò: 1 con bò cái và 1 con bê. Xét thấy, sự thoả thuận này của ông bà C, Chu là phù hợp theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử cần công nhận sự thoả thuận về việc chia tài sản trên của đôi bên đương sự.

* *Về nợ chung:* Ông bà Chu, Chớ không có nợ chung.

* *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Lý Thị C có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy, gia đình bà C sinh sống ở một trong những xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được Chính Phủ công nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ : - Điều 56, 59, 131 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm c, mục 3 của Nghị quyết số 35/NQ-QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa bà Lý Thị C và Ông Hồ Vàng C.

2. Về quan hệ con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3

ghế trị giá 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), 01 chiếc giường trị giá 1.500.000đ

(Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà C được quyền quản lý sử dụng 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda đăng ký tên bà C, trị giá 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); 01 chiếc chảo gang dùng để nấu rượu; 02 con bò: 1 con bò cái và 1 con bê.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lý Thị C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Thị Thu Hằng